

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005

ĐÀO VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

1. Kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005.

Thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, trong 4 năm qua, mặc dù mới đi được 4/5 chặng đường, nhưng TCT Điện lực Việt Nam (EVN) đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản đề ra.

Trong 4 năm (2001-2004), TCT Điện lực Việt Nam đã cơ bản đáp ứng điện cho nền kinh tế và đời sống nhân dân với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân 15,24%/năm, cao hơn 4,24% so với mục tiêu đề ra của kế hoạch 5 năm (2001-2005). Tốc độ tăng trưởng điện năng vượt trước tốc độ tăng trưởng kinh tế trên hai lần.

Để đảm bảo cung cấp đủ điện cho nền kinh tế quốc dân, TCT đã tăng cường đầu tư xây dựng để đưa các nhà máy mới vào vận hành. Tổng công suất các nhà máy điện của hệ thống đã tăng từ 8.280 MW năm 2001 lên 8.580 MW năm 2002, 9.837 MW năm 2003 và đạt 11.298 MW năm 2004, gần bằng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2005 là 11.400 MW, trong đó công suất các nhà máy điện thuộc EVN là 8.886 MW. Công suất khả dụng nguồn điện luôn luôn lớn hơn công suất cực đại của phụ tải. Như vậy, chỉ riêng 4 năm thực hiện kế hoạch, ngành Điện đã đầu tư và đưa vào vận hành tổng công suất

các nhà máy điện là 5.125 MW, bằng 83% công suất của tất cả các nhà máy điện xây dựng giai đoạn trước năm 2000.

Ngày 10-12-2004, TCT đã đạt được chỉ tiêu điện năng sản xuất 44 tỉ kWh với tốc độ tăng điện năng sản xuất giai đoạn 2001-2004 là 14,6%/năm, hoàn thành kế hoạch 5 năm 2001-2005 về điện thương phẩm và điện sản xuất, *vượt kế hoạch 1 năm 21 ngày*.

Thực hiện định hướng chiến lược giai đoạn 2001-2010 của Đảng về phát triển ngành Điện, TCT đã xây dựng các khu công nghiệp điện lực lớn như Trung tâm điện lực Phú Mỹ với công suất các nhà máy điện hiện nay lên đến 3.730 MW, sử dụng nguồn khí Đông Nam Bộ. Đến cuối năm 2005, sẽ hoàn thành cụm công nghiệp Phú Mỹ với tổng công suất 3.880 MW nhằm sử dụng tối ưu nguồn năng lượng quý hiếm của đất nước. Việc hình thành khu công nghiệp điện lực Phú Mỹ đã mở ra ngành công nghiệp mới là công nghiệp khí của Việt Nam. Tính từ năm 2001 đến tháng 11-2004, TCT đã tiêu thụ hơn 7 tỉ m³ khí để sản xuất hơn 39,2 tỉ kWh điện, trong đó, đã tận dụng được hơn 3,8 tỉ m³ khí đồng hành mà trước đây phải đốt bỏ, để sản xuất gần 5 tỉ kWh. TCT cũng đã tích cực thực hiện các thủ tục đầu tư dự án Thủy điện Sơn La. Công trình thủy điện Sơn La với mức

nước dâng bình thường 215 m có điện lượng sản xuất hàng năm gần 9 tỉ kWh và tổng vốn đầu tư trên 36.933 tỉ đồng.

Đồng thời với xây dựng mới các nhà máy điện, TCT tiến hành đồng bộ hoá, hiện đại hoá mạng lưới điện phân phối quốc gia. Trong 4 năm qua, đã hoàn thành đóng điện hơn 2.000 km đường dây truyền tải, gần 7.000 MVA công suất các trạm biến áp truyền tải, gần 600 nghìn km đường dây phân phối trung và hạ thế, gần 100 nghìn MVA công suất các trạm biến áp phân phối.

Điện năng đã góp phần phát triển các ngành kinh tế quốc dân và đời sống xã hội. Để đảm bảo chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13%/năm, điện năng cho sản xuất công nghiệp đề ra trong kế hoạch 5 năm phải chiếm 45% điện thương phẩm và tốc độ tăng trưởng bình quân 13,2%/năm. Thực tế trong 4 năm qua, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 15,3%/năm. Để đáp ứng nhu cầu tăng cao đó, TCT Điện lực Việt Nam đã chú trọng đầu tư phát triển điện cho các khu công nghiệp, cung cấp điện đến chân hàng rào khu công nghiệp và nhà máy với phương châm điện đi trước một bước, do đó điện cung cấp cho công nghiệp trong 4 năm đạt 56,3 tỉ kWh, tỉ trọng điện tiêu thụ tăng dần từ 40,6% năm 2001 lên 43,83% năm 2003 và ước đạt 44,77% năm 2004, xấp xỉ chỉ tiêu đề ra của kế hoạch 5 năm.

Ngành Dịch vụ - Thương mại, mặc dù chiếm tỉ trọng không lớn nhưng tốc độ tăng trưởng cao với giá trị tăng thêm bình quân 4 năm qua đạt 6,6%/năm làm cho điện năng tiêu thụ cũng tăng mạnh. Sản lượng điện tiêu thụ trong 4 năm đạt 5.907 triệu kWh, chiếm gần 5% tổng điện thương phẩm. Ngành Nông nghiệp tuy tiêu thụ chỉ đạt 2.075 triệu kWh

trong 4 năm nhưng điện đã góp phần tích cực cho tưới tiêu và chống úng của 5.500 trạm bơm, góp phần quan trọng để sản xuất được 34,3 triệu tấn lương thực năm 2001, tăng lên 36,95 triệu tấn năm 2002 và 37,45 triệu tấn năm 2003.

Điện sinh hoạt luôn chiếm tỉ lệ tiêu thụ lớn nhưng đã có sự chuyển dịch cơ cấu tiêu thụ điện rõ rệt giữa hai thành phần tiêu thụ lớn nhất là điện cho công nghiệp và điện cho quản lý và tiêu dùng với xu hướng tăng tỉ lệ điện công nghiệp và giảm dần tỉ lệ điện sinh hoạt từ 48,47% năm 2001 xuống 45,73% năm 2003 và 44,84% năm 2004.

Công tác đưa điện về nông thôn đã được TCT Điện lực Việt Nam thực hiện tốt. Đến nay, TCT đã cung cấp điện cho 100% số huyện, trong đó có 10 huyện (9 huyện đảo) được cung cấp bằng nguồn điện tại chỗ; đã đưa điện lưới quốc gia về 94% số xã và 87% số hộ dân. Chỉ tiêu đưa điện về nông thôn cao hơn nhiều nước trong khu vực có điều kiện kinh tế phát triển hơn nước ta như In-đô-nê-xi-a chỉ có 53% dân có điện, Pa-ki-xtăng: 53%, Ấn Độ: 43%... Điện cung cấp cho các vùng nông thôn đã mang lại hiệu quả chính trị, xã hội rõ rệt. Nếu năm 2000, trong số 2.325 xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ có 1.536 xã chưa có điện thì trong 4 năm qua, TCT Điện lực Việt Nam đã cấp điện cho được 1.076 xã, góp phần xoá đói giảm nghèo cho các xã trên.

TCT đã cơ bản hoàn thành việc tiếp nhận toàn bộ các công trình lưới trung áp nông thôn thuộc đối tượng quy định, đạt trước thời hạn chỉ tiêu do Quốc hội và Chính phủ đề ra. Tính đến 20-12-2003, đã tiếp nhận lưới điện trung áp nông thôn là 18.475 công trình, bao gồm 22.078 km đường dây trung áp và 28.442 trạm

biến áp, đạt 100% chỉ tiêu Quốc hội đề ra với tổng giá trị còn lại bàn giao 1.577,185 tỉ đồng. Tổng giá trị hoàn trả đã được UBND các tỉnh phê duyệt 754,561 tỉ đồng. TCT đã chuyển toàn bộ số tiền hoàn trả cho các địa phương.

Về đầu tư xây dựng, đến nay, qua 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005, TCT đã đạt được nhiều thành tích đáng kể. Khối lượng đầu tư của 4 năm 2001-2004 đạt 67.742 tỉ đồng, bằng 158,22% khối lượng thực hiện của kế hoạch 5 năm 1996-2000.

Song song với việc đầu tư và sản xuất điện năng để cung cấp điện cho nền kinh tế quốc dân, TCT còn đặc biệt chú trọng đến hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh. Để chống tổn thất điện năng, TCT đã đồng thời triển khai các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và xử lý hành chính; kết hợp chặt chẽ với địa phương cũng như phương tiện thông tin đại chúng kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những tiêu cực trong cung ứng và sử dụng điện, chống thất thu tiền điện và thực hành tiết kiệm; đồng thời đầu tư cải tạo và đầu tư phát triển lưới điện, nhất là lưới điện phân phối. Tổn thất điện năng đã giảm từ 21,5% năm 1995 xuống còn 14% năm 2001, 13,42% năm 2002, năm 2003, tổn thất điện năng chỉ còn 12,23%. Năm 2004, dự kiến chỉ tiêu tổn thất còn 12%, giảm so với kế hoạch nhà nước giao là 1,5%; tiết kiệm được hàng trăm triệu kWh điện, bằng sản lượng điện sản xuất của một nhà máy có công suất khoảng 100 MW (tương đương với việc không phải xây dựng một nhà máy điện mới cỡ nhà máy điện Thác Bà, Ông Bí hoặc Ninh Bình), tiết kiệm đầu tư hàng năm vào các công trình nguồn và lưới điện khoảng 150 triệu USD. Tỷ lệ tổn thất điện năng của Việt Nam hiện

nay thấp hơn một số nước trong khu vực có trình độ công nghệ và kinh tế phát triển hơn nước ta, như In-đô-nê-xi-a tổn thất 14,89%, Ma-lai-xi-a là 14,09%, Trung Quốc hơn 15%, Mi-an-ma tổn thất lên đến 28%. Để giảm bớt công suất tiêu thụ vào giờ cao điểm, khuyến khích khách hàng tiết kiệm trong tiêu dùng điện năng, TCT đã có kế hoạch triển khai mạnh công tác lắp đặt công tơ điện tử 3 giá mở rộng cho các khách hàng tiêu thụ mức công suất tiêu thụ đến 20 kW, mặt khác đã triển khai ngay việc lấy ý kiến thăm dò khách hàng về chương trình quản lý nhu cầu (DSM), về điều khiển phụ tải bằng sóng nên nhiều khách hàng đã hiểu biết hơn về các giải pháp tiết kiệm điện và tự nguyện áp dụng các công nghệ tiết kiệm điện năng, góp phần giảm chênh lệch công suất giờ cao, thấp điểm khoảng 400 MW, tiết kiệm vốn đầu tư nhà máy điện hơn 400 triệu USD và giảm đáng kể tình trạng quá tải của lưới điện.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, TCT Điện lực Việt Nam đã không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Mỗi năm, TCT gửi gần 2 triệu lá thư đến khách hàng và trực tiếp báo cáo với lãnh đạo các tỉnh, thành phố, các đoàn đại biểu Quốc hội để tiếp thu ý kiến góp ý, từ đó khắc phục những thiếu sót, nhược điểm. Đây là việc làm thiết thực, có ý nghĩa lớn, thể hiện trách nhiệm của TCT với nhân dân. Nhằm cải tiến và giảm bớt các công đoạn, các thủ tục gây phiền hà trong dịch vụ cấp điện cho khách hàng, được sự thống nhất của các địa phương, TCT đã thực hiện lắp đặt công tơ trọn gói. Hiện nay, thời gian lắp đặt công tơ chỉ còn 5 ngày. Bằng các nỗ lực đó, công tác dịch vụ khách hàng đã được cải tiến đáng kể, đã tạo được lòng

tin trong nhân dân, do đó tốc độ tăng trưởng khách hàng cao, bình quân trên 13%/năm, tăng từ 1,9 triệu năm 1995 lên gần 5,593 triệu khách hàng cuối năm 2003 và đạt 6,8 triệu vào tháng 10-2004.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đã được TCT chú trọng và đã góp phần không nhỏ vào các thành tích chung. Đến nay, TCT Điện lực Việt Nam có 348 Phó Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, 17.643 kỹ sư, 13.530 trung cấp viên, 40.085 công nhân lành nghề. Các chuyên viên, kỹ sư thông thạo từ bước lập quy hoạch, dự báo phụ tải, khảo sát, thiết kế, đánh giá tác động môi trường, hiệu quả dự án, quản lý dự án, vận hành các nhà máy hiện đại, đường dây và trạm phức tạp, nhiều năm liền đảm bảo hệ thống vận hành ổn định. TCT có các trường đào tạo công nhân, trung cấp, cao đẳng, có số lượng học viên gần 10.000 người. Mỗi năm TCT đã cử khoảng 30 người đi nước ngoài để đào tạo kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ, đây chính là sức mạnh tương lai của ngành Điện Việt Nam.

Trong những năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng TCT đã chủ động khắc phục khó khăn, đưa ra các giải pháp hợp lý và tiết kiệm nên doanh thu và lợi nhuận đạt được năm sau cao hơn năm trước. Năm 2001, doanh thu sản xuất điện thực hiện đạt 17.521 tỉ đồng tăng lên 21.468 tỉ đồng năm 2002, tăng 21,2%, năm 2003 doanh thu đạt 27.462 tỉ đồng; năm 2004 ước đạt 30.820 tỉ đồng, tăng bình quân 20,18%/năm, cao hơn tốc độ tăng điện thương phẩm. TCT Điện lực Việt Nam đã phấn đấu sản xuất kinh doanh có lãi, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước hàng năm trên 2.000 tỉ đồng, trong đó năm 2003 đã nộp ngân sách 2.610 tỉ đồng. TCT Điện lực Việt Nam có tổng tài sản lớn, nguyên giá

tài sản năm 2003 là 88.294 tỉ đồng, ước tính cuối năm 2004 là 110.423 tỉ đồng, trong đó tài sản cố định là 105.000 tỉ đồng. Điều đó chứng tỏ rằng trong những năm qua, TCT không những đã bảo toàn mà còn phát triển vốn với tốc độ nhanh.

Với những thành tích đã đạt được, nhân kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống ngành Điện Việt Nam (21-12-1954 – 21-12-2004), TCT Điện lực Việt Nam đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng *Huân chương Sao vàng*.

2. Phương hướng thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2006-2010.

Mục tiêu phát triển của TCT Điện lực Việt Nam giai đoạn 2006-2010 là phát triển năng lượng đi trước một bước nhằm đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an toàn năng lượng quốc gia, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phấn đấu trở thành tập đoàn kinh tế mạnh nắm giữ vị trí then chốt trong sản xuất, độc quyền trong khâu truyền tải và tham gia trong khâu phân phối điện năng, làm công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quá trình sản xuất kinh doanh phải có lãi; đảm bảo tăng được năng suất lao động, hạ giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh về giá điện với các nước trong khu vực; xác lập tỉ lệ thanh toán nợ hợp lý, đặc biệt hạn chế nợ nước ngoài, phấn đấu đạt tỉ lệ tự đầu tư ở mức cân đối được tài chính. Sắp xếp và đổi mới các đơn vị trong TCT nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, trọng tâm là cổ phần hoá mạnh hơn nữa; đồng thời phát huy những tiềm năng sẵn có để kinh doanh đa ngành nghề, đa sản phẩm.

Để thực hiện được mục tiêu đó, TCT tập trung nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Đảm bảo cung cấp đủ điện cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chỉ tiêu điện sản xuất đạt 93 tỉ kWh năm 2010.

Để đáp ứng nhu cầu công suất và điện năng trên, ngành tập trung đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy điện trong Quy hoạch điện V hiệu chỉnh. Trong giai đoạn 2006-2010, cần xây dựng mới và mở rộng thêm 52 nhà máy điện với tổng công suất khoảng 7.574 MW, trong đó có 42 nhà máy thủy điện (kể cả các nhà máy thủy điện do các doanh nghiệp ngoài ngành Điện đầu tư), tổng công suất khoảng 4.827 MW; 4 nhà máy nhiệt điện khí (TBKHH và nhiệt điện ngưng hơi) khoảng 2.670 MW và 6 nhà máy nhiệt điện than công suất 2.700 MW, nhằm đảm bảo tỉ lệ dự phòng công suất nguồn từ 12-27%. Đảm bảo tỉ lệ điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện khoảng 34-45%, tăng tỉ lệ nhiệt điện than từ 15% năm 2005 lên 23% năm 2010. Nhu cầu đầu tư để thực hiện các dự án và trả nợ giai đoạn 2006-2010 dự kiến khoảng 13,766 tỉ USD.

Đảm bảo kinh doanh có lãi.

Bằng nhiều biện pháp tích cực để hạ giá thành sản xuất, giá thành đầu tư, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, tăng năng suất lao động. Xác lập tỉ lệ thanh toán nợ hợp lý, đặc biệt hạn chế nợ nước ngoài, phấn đấu đạt tỉ lệ tự đầu tư có thể cân đối được tài chính.

Đảm bảo vai trò chủ đạo trong công tác chính trị, xã hội.

- TCT Điện lực Việt Nam là một doanh nghiệp nhà nước, đóng vai trò chủ đạo trong công tác chính trị, xã hội, đưa

điện về nông thôn và miền núi. Đảm bảo đến năm 2010, đưa điện về 90% số dân vùng nông thôn và năm 2020 đưa điện về 100% vùng nông thôn nhằm góp phần đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo để cấp điện cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng cơ chế quản lý theo hình thức hoạt động công ích để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này. Khuyến khích đa dạng hoá trong đầu tư và quản lý lưới điện nông thôn. Tăng cường kiểm soát giá điện nông thôn để đảm bảo thực hiện theo đúng giá trần do Chính phủ quy định. Hỗ trợ đầu tư xây dựng lưới điện đến hộ sử dụng hoặc xây dựng các trạm phát điện vừa và nhỏ, lưới điện đồng bộ để sử dụng nguồn năng lượng tại chỗ cho đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, đặc biệt là ở Tây Nguyên.

Tiến hành nghiên cứu, xây dựng thị trường điện ở Việt Nam, trước mắt là thị trường phát điện cạnh tranh dự kiến bắt đầu hoạt động vào năm 2005. Việc xây dựng thành công thị trường điện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp khác nhau tham gia xây dựng nguồn điện, góp phần đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế, xã hội. Cơ chế cạnh tranh cũng sẽ thúc đẩy các nhà máy của TCT chủ động, tích cực nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, mang lại hiệu quả chung cho toàn xã hội.

- Đẩy mạnh công tác cổ phần hoá các nhà máy điện, các đơn vị phân phối điện. Sắp xếp và đổi mới nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các đơn vị và của TCT Điện lực Việt Nam □